

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **01/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 08/01/2018

V/v: “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Xuân Đào**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Hà Quế Phương**

Bà Vũ Thị Mùi

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Trường** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường C-Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2017 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50a/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thúy D**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: tổ 25A, khu phố 2, phường X, Thị xã L, tỉnh Đ, Việt Nam.

Địa chỉ tạm trú: L338, phường 8, Quận A, Thành phố H, Việt Nam.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Quốc H**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: 905 N Clay Ave, L, K 679, USA.

(Bà D, ông H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn bà Huỳnh Thúy D trình bày:

Bà và ông Nguyễn Quốc H quen biết nhau qua bạn bè giới thiệu và tìm hiểu nhau từ năm 2013, sau đó hai bên quyết định tiến tới hôn nhân. Ngày 09/12/2015 bà và ông H đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 1083/2015, hai bên có tổ chức lễ cưới tại gia đình bà ở L, sau lễ cưới ông H trở về Hoa kỳ. Bà và ông H thường xuyên liên lạc với nhau bằng thoại khoảng hai tháng thì phát sinh mâu thuẫn do khác nhau về quan điểm sống và thường xuyên cãi vã nhau trên điện thoại nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ tháng 02/2016 vợ

chồng không còn liên lạc với nhau và ông H cũng không về Việt Nam thăm bà, ông H không có người thân nào tại Việt Nam. Bà đã tìm cách liên lạc với ông Huy là gửi thư nhưng không được hồi âm.

Do thời gian xa cách quá lâu, bà thấy không còn tình cảm, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông H.

Về tài con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc H: Ông H đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, Việt Nam thực hiện thủ tục để tổng đạt thông báo văn bản tố tụng (Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử) và ông H có đơn xin xét xử vắng mặt gửi Tòa án, ông xác định con chung, tài chung và nợ chung không có. Cam kết không khiếu nại, khiếu kiện gì với tất cả phán quyết của Tòa án.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Theo lời khai và chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện hôn nhân giữa bà D với ông H là tự nguyện, được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/12/2015. Sau khi kết hôn ông H về Hoa Kỳ, vợ chồng sống xa cách và từ năm 02/2016 đến nay mất liên lạc, nên bà D có đơn ly hôn. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, Việt Nam thực hiện thủ tục để tổng đạt thông báo văn bản tố tụng (Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử) và ông H có đơn xin xét xử vắng mặt gửi Tòa án, cam kết không khiếu nại, khiếu kiện gì với tất cả phán quyết của Tòa án. Điều này cho thấy ông H cũng không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà D. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà D được ly hôn với ông H. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Thúy D, ông Nguyễn Quốc H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thúy D và ông Nguyễn Quốc H xây dựng gia đình vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/12/2015, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông H trở về Hoa Kỳ, thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc với nhau nhưng, đến 02/2016 ông H và bà D cắt đứt liên lạc với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, nên bà D có đơn ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho ông H theo quy định tại Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự, ông H có đơn xin xét xử vắng mặt gửi Tòa án, ông xác định con chung, tài chung và nợ chung không có. Cam kết không khiếu nại, khiếu kiện gì với tất cả phán quyết của Tòa án. Điều đó cho thấy ông H không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà D. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không ai quan tâm đến ai. Mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D xin ly hôn với ông H.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có. Nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Bà D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 273, Điều 469, Điều 474 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Huỳnh Thúy D. Bà Huỳnh Thúy D được ly hôn ông Nguyễn Quốc H.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có. Nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Bà Huỳnh Thúy D phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 200.000đ tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai thu số 007445 ngày 18/01/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đ được trừ vào tiền án phí bà D phải chịu. Bà D còn phải nộp tiếp 100.000đ.

Bà Huỳnh Thúy D được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Ông Nguyễn Quốc H được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐN (1)
- Cục THADS tỉnh ĐN (1)
- Đương sự (2)
- Lưu (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân Đào